TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **78/**2023/HS-ST
Ngày: 21/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Tám

Ông Đoàn Văn Phồi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Duy Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2023/TLST- HS ngày 06 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

1/ B, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2003 tại tỉnh Tiền Giang. Nơi đăng ký thường trú: ấp 2, xã MB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L, sinh năm 1980 (đã chết) và bà C, sinh năm 1983; bị cáo là con một trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: ngày 26/9/2022 bị Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang xử 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 51/2022/HS-ST, chấp hành xong ngày 12/5/2023; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ ngày 24/6/2023, chuyển qua tạm giam ngày 27/6/2023 (có mặt).

2/ Đ (tên gọi khác TN), sinh ngày 12 tháng 5 năm 2003 tại tỉnh Tiền Giang. Nơi đăng ký thường trú: ấp 4, xã MB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông TH, sinh năm 1980 và bà ĐM, sinh năm 1983; anh chị em ruột có 03 người bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ ngày 25/6/2023, chuyển qua tạm giam ngày 27/6/2023 (có mặt).

Bị hại:

Anh T, sinh năm 17/01/2003 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp PH, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

Anh T1, sinh ngày 17/7/2001 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp TN, xã TH, huyện TT, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Chị H, sinh năm 1983 (có mặt);
Địa chỉ: ấp 1, xã MB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Chị S, sinh năm 1983 (có mặt);
Địa chỉ: ấp 4, xã MB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ, ngày 19/6/2023 B, sinh năm 2003, nơi cư trú ấp 2, xã MB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang uống bia tại quán Ốc Chi 2 thuộc ấp Kinh 12, xã MT, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang cùng với T, sinh năm 2003, nơi thường trú; ấp Phú Hòa, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre; G, sinh năm 2005, nơi thường trú: ấp PH, xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre; I, sinh năm 2002, nơi thường trú: ấp 6, xã PC, huyện CL, tỉnh Tiền Giang; E, sinh năm 2001 (chồng của I) và N, sinh năm 1999, nơi thường trú: ấp 1, xã MP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Trong lúc uống bia tại quán , giữa T, E với B có nói chuyện qua lại nhưng thể hiện thái độ không thích nhau. Một lúc sau, B đi vào nhà vệ sinh gọi điện thoại cho Đ (tên thường gọi TN), sinh năm 2003, nơi thường trú: ấp 4, xã MB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang kêu Đ đem giao tự chế xuống xã MP để đánh nhau, Đ đồng ý và rủ K, sinh năm 2008, nơi thường trú: ấp 3, xã MB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang đi chơi, thì K đồng ý. Đ chở K về nhà của Đ vào nhà thay đồ và lấy 02 con dao tự chế giấu vào bên trong áo khoác rồi đi ra phía trước nhà kêu K bỏ xe của K lại, lấy xe mô tô biển số 63AB-009.17 đậu trong nhà của Đ chở Đ đi đến xã MT.

Tại quán Ốc Chi 2, sau khi nghe điện thoại Đ xong, B quay trở ra và lấy 01 con dao Thái Lan cán màu vàng của quán giấu vào lưng quần rồi đi về bàn uống bia tiếp. Khi tính tiền xong chuẩn bị ra về thì B thấy T đang đi về hướng mình, thấy E thì đi vòng ra sau lưng, B nghĩ T và E sẽ đánh mình nên rút dao Thái Lan giấu trong người ra xông vào đâm trúng vào vùng sau lưng bên phải của anh T một cái gây thương tích, lưỡi giao bị gãy nên B vứt dao và tiếp tục xông vào đánh anh T bằng tay. Được mọi người can ngăn nên Bảo bỏ đi bộ về hướng cầu Quản Oai (cầu MT). Thấy T bị thương tích, E điều khiển xe chở anh T đến Bệnh viện MT để sơ cứu vết thương; N, I và G cũng điều khiển xe chạy theo. Khi đến giữa cầu Quản Oai thì N, G, I năn nỉ Bảo đừng đánh nhau nữa nhưng B không đồng ý.

Trong lúc đang đứng nói chuyện thì K điều khiển xe mô tô biển số 63AB-009.17 chở Đ tới, B đi qua lộ chỗ Đ và K đang đậu xe, Bảo kêu Đ đưa cho B một con dao, Đ cầm một con dao; B lên xe mô tô ngồi phía sau cùng và chỉ tay về hướng bệnh viện MT kêu K chạy lại bệnh viện. Khi đến đối diện cổng bệnh viện MT, B cầm dao nhảy xuống xe chạy qua lộ về hướng cổng Bệnh viện, Đ cũng cầm dao chạy theo ngay phía sau, B gặp T và E đang đứng gần cổng bệnh viện, B liền cầm dao chém về hướng anh T, anh T bỏ chạy đến cửa phụ vào bệnh viện thì bị B chém trùng vào cánh tay trái một cái gây thương tích, B tiếp tục quay sang chém liên tục 03 cái trúng vào lưng của anh E gây thương tích. Đặc đứng gần đó đưa dao

lên định chém E nhưng do E không chống trả nên Đ không chém rồi kêu B đi về. Đ lên xe mô tô K chở, cùng lúc này N cũng vừa chạy xe mô tô tới nên B nhảy lên xe nhờ N chở về nhà dùm, trên đường đi về nhà B đưa dao cho Đ cất giữ. Ngày 22/6/2023 anh T có đơn yêu cầu xử lý hình sự. Ngày 24/6/2023, anh E có đơn yêu cầu xử lý hình sự.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) dao tự chế dài 64 cm, lưỡi dao bằng kim loại, mũi nhọn, cán dao dài 20 cm, một bề sắc, bản dao nơi rộng nhất là 3,5 cm, lưỡi màu đen, cán đen.

- 01 (một) dao tự chế dài 67 cm, lưỡi dao bằng kim loại, mũi nhọn, cán dao dài 16,5 cm, một bề sắc, bản dao nơi rộng nhất là 4,5 cm, lưỡi màu trắng, cán đỏ.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo, màu xanh, loại cảm ứng bên trong có gắn sim số 0374061496 (của Đoàn Ngọc Gia Bảo).

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 7, màu trắng, bên trong có gắn sim số 032335294 (của Đặng Văn Đặc).

Giấy chứng nhận thương tích số 232/BVĐKTG-GCN ngày 27/6/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang chứng nhận thương tích của anh T lúc vào viện như sau:

- 01 vết thương phải #03 cm;

- 01 vết thương khuỷu tay trái #03 cm x 06 cm;

- Đầu ngón tay trái ấm hồng.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 231-2023/KLTTCT-TTPY ngày 24/6/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận thương tích của anh T như sau: tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân T là 03% (Ba phần trăm).

Kết luận khác:

- Xác định vật gây thương tích:

+ Vết thương khuỷu tay bên trái, bờ mép vết thương sắc nhọn. Thương tích do vật sắc gây nên.

+ Vết thương lưng bên phải, bờ mép vết thương sắc nhọn. Thương tích do vật sắc nhọn gây nên.

- Phân tích tỷ lệ phần trăm từng vết thương:

+ Vết thương khuỷu tay bên trái. Tỷ lệ 02 % (Hai phần trăm);

+ Vết thương lưng bên phải. Tỷ lệ 01 % (Một phần trăm).

Sau khi vết thương anh T ổn định, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y bổ sung về tỷ lệ thương tật của anh T.

Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 253-2023/KLTTCT-TTPY ngày 11/7/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận đối với thương tích nạn nhân T như sau: tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân T là: 03 % (ba phần trăm).

Kết luận khác:

- Xác định vật gây thương tích:

+ Vết thương khuỷu tay bên trái, bờ mép vết thương sắc nhọn. Thương tích do vật sắc gây nên.

+ Vết thương lưng bên phải, bờ mép vết thương sắc nhọn. Thương tích do vật sắc nhọn gây nên.

- Phân tích tỷ lệ phần trăm từng vết thương:

+ Vết thương khuỷu tay bên trái. Tỷ lệ 02 % (Hai phần trăm);

+ Vết thương lưng bên phải. Tỷ lệ 01 % (Một phần trăm).

Giấy chứng nhận thương tích số 214/CN-BV ngày 26/6/2023 của Bệnh viện đa khoa khu vực Cai Lậy ghi nhận thương tích của anh E như sau:

- 01 vết thương xây xát da ngang giữa lưng kích thước 0,2 cm x 10 cm đã lành;

- 01 vết thương xây xát da ngang 1/3 lưng trái xây xát da 0,2 cm x 15 cm đã lành.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 239-2023/KLTTCT-TTPY ngày 27/6/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận thương tích của anh Thanh như sau: tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân E là 04% (Bốn phần trăm).

Kết luận khác:

- Xác định vật gây thương tích: thương tích do vật sắt gây nên.

- Phân tích tỷ lệ phần trăm từng vết thương:

+ Sẹo vết thương giữa lưng cạnh cột sống. Tỷ lệ 02 % (Hai phần trăm);

+ Sẹo vết thương nằm ngang lưng trái. Tỷ lệ 02 % (Hai phần trăm).

Trong quá trình điều tra, bị cáo B, bị cáo Đ khai nhận toàn bộ hành vi gây thương tích cho anh T, anh E phù hợp với lời khai của bị hại, nhân chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả giám định, vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo B và bị cáo Đ đã tác động gia đình thỏa thuận bồi thường tiền thuốc, chi phí điều trị cho anh T số tiền 20.000.000 đồng và anh E số tiền 5.000.000 đồng. Anh T và anh E đã nhận đủ tiền và có đơn xin bãi nại trách nhiệm dân sự, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 78/CT-VKSTXCL ngày 05/9/2023 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang truy tố B về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự; Ê về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo B và bị cáo Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các quyết định cũng như hành vi của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo B, bị cáo Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy

tố. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo B phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người thân có công với cách mạng, bị hại có đơn xin bãi nại trách nhiệm dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Đ phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người thân có công với cách mạng, bị hại có đơn xin bãi nại trách nhiệm dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt; về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo B có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội có tính chất côn đồ, tái phạm; bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm d, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; điểm c khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo B từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

Áp dụng điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Đ từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh T và anh E đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu bị cáo B, Đ bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) dao tự chế dài 64 cm, lưỡi dao bằng kim loại, mũi nhọn, cán dao dài 20 cm, một bề sắc, bản dao nơi rộng nhất là 3,5 cm, lưỡi màu đen, cán đen; 01 (một) dao tự chế dài 67 cm, lưỡi dao bằng kim loại, mũi nhọn, cán dao dài 16,5 cm, một bề sắc, bản dao nơi rộng nhất là 4,5 cm, lưỡi màu trắng, cán đỏ là công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy. Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo, màu xanh, loại cảm ứng bên trong có gắn sim số 0374061496 và 01 (một) điện thoại di động Iphone 7, màu trắng, bên trong có gắn sim số 032335294 là tài sản hợp pháp của chị H, chị S, việc bị cáo B bị cáo Đ sử dụng điện thoại liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội thì chị Chúc chị S không biết nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị H và chị S.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo B bị cáo Đ sẽ sửa sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về việc vắng mặt bị hại T, E vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt: Xét thấy, trong hồ sơ đã có lời khai của người bị hại và việc vắng mặt của bị hại không làm ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo B, bị cáo Đ. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt phía bị hại.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo B và bị cáo Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là vào khoảng 21 giờ ngày 19/6/2023 tại quán Ốc Chi 2 thuộc ấp Kinh 12, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, bị cáo B đã có hành vi sử dụng dao là hung khí nguy hiểm đâm trúng vào lưng bên phải của anh T một cái gây thương tích 01 %. Ngay sau đó, tại trước cổng Bệnh viện MP thuộc ấp 6, xã PC, huyện CL, tỉnh Tiền Giang B đã có hành vi sử dụng dao tự chế là hung khí nguy hiểm chém trúng vào cánh tay trái của anh T một cái gây thương tích 03 %, chém trúng vào lưng của anh E 03 cái gây thương tích là 04 %. Bị cáo B đã sử dụng con dao để chém vào người anh T, anh E được Cơ quan điều tra và tại Tòa xác định là hung khí nguy hiểm theo hướng dẫn tại mục 2 phần 1 Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo B bị cáo Đ là do hai bị cáo có ý thức xem tường pháp luật, có tính côn đồ hung hãn, hai bị cáo biết hành vi dùng hung khí gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện để thể hiện bản thân. Như vậy, việc hai bị cáo gây thương tích cho anh T anh E là lỗi cố ý, tình tiết "dùng hung khí nguy hiểm". Lời trình bày của hai bị cáo phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cho nên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo B phạm tội "Cố ý gây thương tích", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đ phạm tội "Cố ý gây thương tích", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo với tội danh, điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan cho bị cáo.

[4] Về tính chất, mức độ của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội. Bị cáo B bị cáo Đ nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả xảy ra nhưng vì nóng nảy không kiềm chế, xem thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác mà phạm tội. Do đó, bị cáo B, bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả do mình gây ra.

[5] Bị cáo B bị cáo Đ khi thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nhưng khi thực hiện tội phạm không có sự bàn bạc, phân công trước, không có sự cấu kết chặc chẽ nên thuộc trường hợp phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Cụ thể, vai trò của từng bị cáo như sau:

[5.1] Đối với bị cáo B là người rủ rê trong việc thực hiện tội phạm và là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Cho nên, cần xử phạt bị cáo B với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5.2] Đối với bị cáo Đ là người giúp sức thực hiện tội phạm. Cho nên, cần xử phạt bị cáo Đ với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6.1] Bị cáo B phạm tội thuộc trường hợp phạm tội có tính chất côn đồ và tái phạm theo quy định tại điểm d, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6.2] Bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo B, bị cáo Đ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn xin bãi nại trách nhiệm dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo, gia đình có công với cách mạng. Bị cáo Đ phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo B được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đặc được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo B có 01 tiền án do đó bị cáo B có nhân thân xấu. Bị cáo Đ không có tiền án, tiền sự do đó bị cáo Đ có nhân thân tốt. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với hai bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: cần cách ly bị cáo B, bị cáo Đ ra khỏi xã hội một thời gian để nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt giúp ích cho xã hội sau này.

[9] Đối với bị cáo B có hành vi dùng dao đâm vào lưng anh T 01 cái và sử dụng dao tự chế chém trúng vào cánh tay trái của anh T 01 cái, dùng dao tự chế chém trúng lưng của anh E 03 cái, nhưng bị cáo B không nhắm vào vị trí nguy hiểm trên cơ thể của anh T, anh E và cũng không có ý định tước đoạt tính mạng người khác, nên không có dấu hiệu tội giết người.

[10] Đối với K có hành vi điều khiển xe mô tô chở bị cáo B và bị cáo Đ đi gây thương tích cho anh T anh E, nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội K chưa đủ 16 tuổi nên hành vi của K không cấu thành tội phạm.

[11] Đối với N có hành vi điều khiển xe mô tô chở bị can B về nhà, nhưng trước đó N không có bàn bạc, giúp sức cho B trong việc gây thương tích cho các bị hại, sau khi B chém anh T và E gây thương tích xong đi bộ ra lộ, lúc này N vừa điều khiển xe mô tô đến nên B nhảy lên xe mô tô nhờ N chở về nhà dùm, N không biết B vừa gây thương tích xong do đó hành vi của N không đồng phạm với B về tội cố ý gây thương tích.

[12] Đối với anh P là chủ sở hữu xe mô tô biển số 63AB-009.17, nhưng không biết bị cáo B, Đ sử dụng xe mô tô này làm phương tiện phạm tội, do đó anh P không có dấu hiệu tội phạm.

[13] Thời điểm xảy ra vụ án, khu vực hiện trường vắng người, do trời tối nên không có người qua lại, sự việc đánh nhau ít người tham gia nên không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Do đó, hành vi của Bvà Đặng Văn Đ không đủ yếu tố cấu thành tội gây rối trật tự công cộng.

[14] Đối với con dao Thái Lan bị cáo B sử dụng đâm anh T tại quán Ốc Chi 2, con dao đã bị gãy và mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy không thu giữ được.

[15] Về trách nhiệm dân sự: bị hại T và anh E đã nhận tiền bồi thường của bị cáo Đ, bị cáo B và có đơn xin bãi nại trách nhiệm dân sự không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[16] Về xử lý vật chứng:

[16.1] Đối với 01 (một) dao tự chế dài 64 cm, lưỡi dao bằng kim loại, mũi nhọn, cán dao dài 20 cm, một bề sắc, bản dao nơi rộng nhất là 3,5 cm, lưỡi màu đen, cán đen; 01 (một) dao tự chế dài 67 cm, lưỡi dao bằng kim loại, mũi nhọn, cán dao dài 16,5 cm, một bề sắc, bản dao nơi rộng nhất là 4,5 cm, lưỡi màu trắng, cán đỏ là công cụ phạm tội nên căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[16.2] Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo, màu xanh, loại cảm ứng bên trong có gắn sim số 0374061496 là tài sản của chị Mai Thị Chúc và 01 (một) điện thoại di động Iphone 7, màu trắng, bên trong có gắn sim số 032335294 là tài sản của chị Đ, việc bị cáo B bị cáo Đ sử dụng điện thoại để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội chị H chị Đ không biết nên cần trả lại cho chị H và chị Đ.

[17] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo B bị cáo Đ bị kết án về tội "Cố ý gây thương tích" nên theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo Bảo bị cáo Đặc phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[18] Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo B và bị cáo Đ phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm d, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo B 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/6/2023.

Áp dụng: điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đ 09 (chín) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/6/2023.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trả cho chị H 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo, màu xanh, loại cảm ứng bên trong có gắn sim số 0374061496.

Trả cho chị Đ 01 (một) điện thoại di động Iphone 7, màu trắng, bên trong có gắn sim số 032335294.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) dao tự chế dài 64 cm, lưỡi dao bằng kim loại, mũi nhọn, cán dao dài 20 cm, một bề sắc, bản dao nơi rộng nhất là 3,5 cm, lưỡi màu đen, cán đen; 01 (một) dao tự chế dài 67 cm, lưỡi dao bằng kim loại, mũi nhọn, cán dao dài 16,5 cm, một bề sắc, bản dao nơi rộng nhất là 4,5 cm, lưỡi màu trắng, cán đỏ.

Các vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang quản lý (Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/9/2023).

3. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo B, bị cáo Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo B, Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H, chị Đ được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại T, E có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Thoa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Cơ quan điều tra CA thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.